

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương - UBND huyện Quảng Xương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo Quyết định số 4316/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Thôn Mỹ Khê, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tại thông báo kết quả thẩm định số 9108/STNMT-BVMT ngày 29/12/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 726/UBND-TNMT ngày 01/4/2021 của UBND huyện Quảng Xương; Văn bản số 05/CV-BQLDA ngày 14/01/2021 và Văn bản số 28/CV-BQLDA ngày 10/02/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 225/Tr-STNMT ngày 05/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Mỹ Khê của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Mỹ Khê,
xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Mỹ Khê, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa .

1.2. Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương

- Người đại diện: Mai Đình Thủy.

- Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 59.095,58 m²; quy mô sử dụng đất như sau: đất ở chia lô: 33.245,60m²; đất khuôn viên cây xanh: 180,16 m²; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 25.669,82 m².

- Các hạng mục xây dựng gồm: San nền toàn bộ diện tích thực hiện dự án; Hệ thống đường giao thông; cấp nước và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; cấp điện, chiếu sáng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 5,5 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,75 m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,45m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,30 m³/ngày); thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải vệ sinh thiết bị máy móc phát sinh khoảng 8,0m³/ngày (nước thải từ quá trình rửa bồn trộn bê tông khoảng 3,0 m³/ngày, nước thải rửa thiết bị khoảng 5,0 m³/ngày); thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng; thi công nhựa bán thấm; thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: đất bóc phong hóa 17.552,7 m³; vật liệu rời rơi vãi (cát, đất, bê tông, đá,...) có tổng khối lượng khoảng 1.083,0 tấn; vật liệu khác (bao bì xi măng, vụn sắt thép, gỗ ván hỏng,...) có tổng khối lượng khoảng 27,6 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 10 kg/đợt thi công.
- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy thải với lượng khoảng 14,5 lít/tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư thuộc dự án là 120,0 m³/ngày.đêm (nước thải nhà vệ sinh: 36 m³/ngày.đêm; nước thải tắm giặt: 48 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 36 m³/ngày.đêm); thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh do phương tiện ra vào dự án; hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung; thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃; H₂S...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 900 kg/ngày, lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...
- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa trong khu dân cư).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, dẻ lau dính dầu mỡ, hộp dầu mỡ,... với khối lượng khoảng 9,0 kg/ngày.

2.5. Một số tác động khác như: Tác động kinh tế - xã hội, tác động do rủi ro, sự cố môi trường.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra..

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...; thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay được thu gom và đưa về hồ lắng có thể tích $3,0\text{m}^3$ (kích thước: dài x rộng x sâu: $2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) để lắng và sau đó thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh xử lý tại 05 nhà vệ sinh di động (kích thước: $1.800\text{ mm} \times 1.350\text{ mm} \times 2.600\text{ mm}$; bể chứa chất thải: 500 lít; bể chứa nước dự trữ: 400 lít); định kỳ thuê Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa bơm hút, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

- Nước thải nhà bếp thu gom qua 01 bể gạn dầu mỡ có thể tích $1,0\text{ m}^3$ (kích thước: dài x rộng x cao = $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) và thải ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng được thu gom về hồ lắng tạm có thể tích $5,0\text{ m}^3$ (kích thước $2,5\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,0\text{m}$) được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm, để lắng nước thải vừa dùng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc tái sử dụng nước cho quá trình phun nước chống bụi.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Lắp dựng khoảng 500 m rào tôn, cao 2,5m ở ranh giới phía tiếp giáp với khu dân cư lân cận.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân với số lượng 02 bộ/người/năm; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường Tân Trạch.

- Sử dụng các thiết bị máy móc và xe đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt, vận chuyển đúng tải trọng và tốc độ quy định; phun rửa lốp xe trước khi ra khỏi công trường;

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 02 thùng đựng rác thải 50 lít/thùng để thu gom rác thải sinh hoạt khu lán trại.

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa, hoặc các đơn vị có chức năng khác thu gom, vận chuyển tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Bùn đất đào hữu cơ được vận chuyển đổ thải tại bãi đất trống thôn Mỹ Khê, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương (*diện tích 1,0 ha, dung tích chứa bãi thải khoảng 20.000 m³*).

- Thảm phủ thực vật và chất thải rắn không tái chế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn như: đất, đá thải, gạch, ... được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các dự án khác trong khu vực.

- Chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... có thể tái chế sẽ được thu gom hằng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 01 thùng có dung tích 200 lít có dán nhãn để chứa chất thải rắn nguy hại; 01 thùng phuy có dung tích 200 lít có dán nhãn để chứa chất thải lỏng nguy hại. Các thùng đựng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại khu lán trại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý khi kết thúc thi công.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. *Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:*

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

b. *Biện pháp giảm thiểu độ rung*

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

c. *Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội*

- Giáo dục, tuyên truyền ý thức công nhân xây dựng, không có các hành động gây mất an ninh trật tự địa phương, không tham gia các tệ nạn xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện xây dựng dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. *Đối với Chủ đầu tư/ Chính quyền địa phương:*

- Quản lý việc xây dựng công trình xử lý nước thải sơ bộ tại các hộ gia đình gồm: bể tự hoại xử lý nước thải vệ sinh, bể tách dầu mỡ xử lý nước thải nhà ăn, lưới chắn rác xử lý nước thải tắm giặt và đấu nối vào vị trí chờ trên đường thu gom nước thải do Chủ đầu tư xây dựng.

- Khôi thông, nạo vét hệ thống đường có kích thước 1,08m x 1,0m với tổng chiều dài 1.959 m và 206 hố ga; đảm bảo tiêu thoát nước mưa phát sinh từ dự án ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đầu nối toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh từ các hộ dân về hệ thống thoát nước mưa, nước thải chung của dự án.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Chủ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho dự án với công suất $150\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, đặt tại khu vực đường khuôn viên cây xanh phía Bắc với diện tích khoảng 100m^2 . Công nghệ xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt (hộ gia đình) $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể thiếu khí (Anoxic) $\rightarrow$ Bể hiếu khí (Aerotank) $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Mương thoát nước chung khu vực và chảy ra sông Lý.

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

+ Bố trí nguồn kinh quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường;

+ Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hư hỏng, nước thải từ bể điều hòa sẽ được dẫn sang bể sự cố bằng hệ thống van đóng mở tự động, khi hệ thống hoạt động trở lại, nước thải từ bể sự cố sẽ được dẫn sang bể điều hòa để tiếp tục bơm lên hệ thống xử lý. Bể sự cố có thông số kỹ thuật như sau: dài x rộng x cao = $15\text{m} \times 5\text{m} \times 2\text{m}$.

b. Đối với các hộ gia đình:

- Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của các hộ gia đình; bể tách dầu mỡ để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp; nước thải tắm rửa giặt giũ được xử lý qua các bể lắng.

- Đầu nối toàn bộ nước thải của các hộ gia đình về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, có công suất $150\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý tiếp.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

a. Đối với Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải của dự án.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu bụi bay bốc theo bánh xe.

- Kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn trong quá trình xây dựng trong khu dân cư theo các quy định hiện hành của pháp luật.

b. Đối với các hộ gia đình:

- Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...;

- Khi thi công xây dựng công trình nhà ở, phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải và đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

- Cung cấp các Văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho các hộ gia đình, tổ chức quản lý các công trình công cộng.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải; hợp đồng với đơn vị có chức năng nạo hút với tần suất 06 tháng/lần.

- Bố trí 01 khu tập kết chất thải rắn chung của dự án có diện tích 100 m², đặt tại khu vực đường khuôn viên cây xanh phía Bắc có rãnh thu gom nước mưa bề mặt dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung của dự án. Chất thải rắn được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về thu gom, phân loại CTR tại nguồn.

b. Đối với các hộ gia đình: Tự bố trí thùng chứa rác thải và phân loại, tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Đối với Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

- Cung cấp các Văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho chủ các khu nhà dân và khu thương mại dịch vụ.

- Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách đến khu vực để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

b. Đối với các hộ gia đình: Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, không được để lẫn lộn cùng rác thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát chất thải trong quá trình xây dựng

Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát: tại 02 vị trí thi công dự án

+ KK1: Vị trí khu vực thi công dự án.

+ KK2: Vị trí tuyến đường vận chuyển vào công trường xây dựng.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát nước thải trong quá trình hoạt động

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần

- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, hàm, Coliform, E. Coli.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14 : 2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.